

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày: 23-04-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Thúy Hà.

Ông Sần Tài Văn.

Bà Trần Thị Vân Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/10/1989, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Số nhà 27, tổ dân phố 13, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Thủ quỹ Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Điện Biên (Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Lan A, sinh năm 1990 và có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2020 cho đến nay tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Đình T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/11/1988, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Số nhà 14, tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Kế toán Trung tâm y tế huyện N, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; có vợ là Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa

bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/8/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Ngô Bá T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30/3/1987, tại tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Kinh doanh thương mại. trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Bá D, sinh năm 1959 và bà Trần Thị M, sinh năm 1968; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/8/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T:* Ông Bùi Đình M, Luật sư Văn Phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/4/2021).

2. Ông Hà Văn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số nhà 168, tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/4/2021).

3. Bà Lưu Kim C, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 66, tổ dân phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 124, tổ dân phố 6, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 11, tổ dân phố 7, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

6. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà 27, tổ dân phố 6, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

7. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà 157, tổ dân phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

8. Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số nhà 118, tổ dân phố 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

9. Bà Dương Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà 157, tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

10. Bà Trần Việt T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

11. Ông Hà Anh D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số nhà 07, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

12. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1962. Địa chỉ: C17, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

13. Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

14. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ngã ba X, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2014, Bùi Văn T được tuyển dụng vào làm Kiểm ngân tại Phòng Tiền tệ, kho quỹ và Hành chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên có trụ sở tại tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, đến ngày 21/6/2019, T được phân công làm Thủ quỹ của Quỹ nghiệp vụ phát hành. Theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 01/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước, Mục 7 Công văn số 929/NHNN-PHKQ ngày 19/02/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Thông tư số 01/2014 và bản phân công công việc phòng Tiền tệ - Kho quỹ và Hành chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên thì T có nhiệm vụ: Trực tiếp giao dịch với khách hàng, thực hiện việc xuất, nhập tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý tại kho nghiệp vụ phát hành và thu, chi tại quầy giao dịch; quản lý Quỹ nghiệp vụ phát hành đảm bảo an toàn tuyệt đối tài sản; trực tiếp nhập vào máy tính chứng từ phát sinh hằng ngày; quản lý, sử dụng kẹp chì theo quy định. Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao và sơ hở của các thành viên tham gia kiểm đếm, đóng bao tiền, quản lý kho quỹ trong quá trình xuất, nhập tiền, kiểm kê tài sản, Bùi Văn T đã thực hiện hành vi tráo bó tiền mệnh giá 100.000 đồng vào bao tiền có mệnh giá 500.000 đồng để chiếm đoạt số tiền chênh lệch.

Để mang bó tiền mệnh giá 500.000 đồng ra khỏi kho, khi xuất tiền cho các Ngân hàng thương mại, do các thành viên được giao giám sát không kiểm tra chặt chẽ nên T đã cầm thừa 01 bó tiền mệnh giá 500.000 đồng ra gian đệm hoặc ngoài quầy, nếu có ai hỏi thì bị can nói mang ra để đổi. Những ngày không cầm thừa tiền thì T sử dụng luôn bó tiền mệnh giá 500.000 đồng do các Ngân hàng thương mại nộp tại quầy. Sau đó T cắt lấy 08 thép cắt vào hòm tôn hoặc kết sắt để tại quầy làm việc của T, 02 thép còn lại, T đổi cho thủ quỹ của các Ngân hàng thương mại hoặc cán bộ kho bạc đến giao dịch để lấy bó tiền mệnh giá 100.000 đồng. Những ngày không đổi được, T sử dụng luôn bó tiền mệnh giá 100.000 đồng có sẵn trong kho để tráo đổi, sau đó thực hiện việc đổi loại tiền trên máy tính từ bó tiền mệnh giá 100.000đ thành 02 thép tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau khi có các bó tiền mệnh giá 100.000 đồng, T thực hiện việc tráo đổi để chiếm đoạt tài sản như sau:

Cách thứ nhất: Khi các Ngân hàng thương mại trên địa bàn đến nộp tiền, T lợi dụng lúc Kiểm ngân (thủ quỹ tay 2) không có mặt hoặc có mặt nhưng không để ý, không cùng thực hiện việc đóng bao, không kiểm tra lại các bao tiền T đóng một mình, T đã xếp bó tiền mệnh giá 100.000 đồng vào cuối bao đựng loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, sau đó xếp tiếp các bó tiền mệnh giá 500.000 đồng đầy bao, dùng dây dù buộc miệng bao lại, không niêm phong, kẹp chì và đưa vào kho.

Cách thứ hai: Do các bao tiền trong kho không được niêm phong, kẹp chì, các thành viên ban kho không kiểm soát chặt việc T ra vào kho, lợi dụng điều này, trước khi kiểm quỹ cuối ngày, T đã vào kho quỹ Nghiệp vụ phát hành, thực hiện hành vi tráo đổi bó tiền mệnh giá 100.000 đồng vào bao chứa loại tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Để tránh bị phát hiện, T đã vào kho, dồn các bó tiền mệnh giá 100.000 đồng đã đánh tráo vào cùng một bao tiền mệnh giá 500.000 đồng, sau đó xếp bao tiền này ở góc trong phía dưới cùng trên kệ để tiền.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/6/2019 đến ngày 16/01/2020, T đã 45 lần thực hiện hành vi tráo bó tiền mệnh giá 100.000 đồng vào bao tiền có mệnh giá 500.000 đồng (51 bó) chiếm đoạt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên 20.400.000.000 đồng (hai mươi tỷ bốn trăm triệu đồng), cụ thể như sau: Vào các ngày 15/8, 19/8, 23/8, 27/8, 29/8, 03/9, 06/9, 13/9, 18/9, 23/9, 24/9, 27/9, 07/10, 11/10, 23/10, 25/10, 31/10, 04/11, 06/11, 11/11, 14/11, 19/11, 22/11, 25/11, 26/11, 29/11, 02/12, 03/12, 09/12, 16/12, 23/12, 30/12, 31/12 đều cùng năm 2019, 02/01 và 06/01/2020, T đều tráo đổi mỗi ngày 01 bó tiền, chiếm đoạt 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Tổng số tiền chiếm đoạt là 14.000.000.000 đồng (mười bốn tỷ đồng). Các ngày 14/10/2019, 17/12/2019, 10/01/2020, mỗi ngày T tráo đổi 02 bó tiền, chiếm đoạt 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), tổng 03 ngày chiếm đoạt được 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Ngày 16/01/2020, T cũng tráo đổi 02 bó tiền, tuy nhiên T chỉ mang ra khỏi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), số tiền còn lại T vẫn để tại cơ quan và đã tráo đổi trả lại quỹ vào ngày 19/01/2020. Ngày 11/12/2019, T tráo đổi 04 bó tiền, chiếm đoạt 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ 27/6/2019 đến 14/8/2019, T đã 05 lần tráo đổi tiền, chiếm đoạt 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). T khai những ngày phạm tội có khả năng là các ngày 27/6, 08/7, 12/7, 23/7, 06/8 của năm 2019 vì đây là những ngày T nộp khoản tiền lớn vào tài khoản.

Sau khi cất 08 thép tiền vào hòm hoặc két, T chờ đến khi có cán bộ Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên (viết tắt là BIDV tỉnh Điện Biên) đến giao dịch, T lấy tiền ra nhờ người này cầm về Ngân hàng nộp vào tài khoản T mở tại BIDV. Cũng có nhiều lần T lấy các thép tiền chiếm đoạt cất vào trong người hoặc túi bóng cầm ra khỏi ngân hàng để mang đi sử dụng.

Số tiền chiếm đoạt được, T đã sử dụng như sau: Đánh bạc qua mạng Internet là 17.786.500.000 đồng (mười bảy tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng); chi tiêu cá nhân và trả nợ 2.571.400.000 đồng (hai tỷ năm trăm bảy mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng), T không nhớ đã chi tiêu cụ thể vào những việc gì; hiện còn trong tài khoản 42.191.038 đồng.

Trong thời gian từ ngày 22/6/2019 đến ngày 21/01/2020, Bùi Văn T đã sử dụng điện thoại Iphone 6 và Ipad cá nhân cài đặt 02 ứng dụng FANVIP.club và HUNOHERO, lập các tài khoản để chơi “tài – xỉu”, cách thức chơi như sau: Trò chơi có 03 viên xúc xắc, mỗi viên có 06 mặt đánh số giá trị từ 01 đến 06, sau mỗi lần quay, nếu tổng điểm của 3 viên xúc xắc ≥ 11 thì là tài, người đặt tài thắng, còn lại là xỉu, người đặt xỉu thắng. Người chơi sẽ đặt cược số tiền tối thiểu là 1.000 xu, tối đa là số xu dư tài khoản hiện có. Hết thời gian lựa chọn và đặt cược, nếu số xu hai bên chênh lệch, thì bên nhiều hơn sẽ bị hoàn trả xu, người đặt cược sớm sẽ không bị hoàn trả. Người thua sẽ bị mất số xu đặt cược, người thắng được nhận được số xu bằng số xu đã đặt nhưng bị nhà cái trừ 02%. Trong thời gian đánh bạc, Bùi Văn T liên hệ với tài khoản Zalo Quỳnh Nhi P có số điện thoại đăng ký là 0889699999 để mua xu, tỉ lệ chuyển đổi tiền thật – tiền ảo là mua 80 – bán 85, nghĩa là tương ứng với 850.000 đồng người chơi sẽ mua được 1.000.000 đồng tiền ảo (xu), khi có 1.000.00 đồng tiền ảo thì người chơi chỉ đổi được 800.000 đồng tiền thật. T đã mở 02 tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, trong đó có 01 tài khoản mang tên Bùi Văn T là em trai T) để sử dụng vào việc đánh bạc và giao dịch tiền tệ. Trong các dữ liệu còn lưu giữ trên điện thoại và Ipad, trong 04 ngày 27/12/2019, 28/12/2019, 08/01/2020, 09/01/2020, T đã 53 lần đánh bạc, có 20 lần thắng, số tiền sử dụng đánh bạc trái phép nhiều nhất là 268.200.000 xu (tương đương với số tiền 227.970.000 đồng), số lần đánh bạc ít nhất là 8.000.000 xu (tương đương 7.650.000 đồng). Kết quả điều tra xác định, tổng số tiền Bùi Văn T đánh bạc là 40.304.513.000 đồng (bốn mươi tỷ, ba trăm linh bốn nghìn, năm trăm mười ba đồng), trong đó số tiền T bỏ ra mua xu đánh bạc là 28.599.663.000 đồng (hai mươi tám tỷ, năm trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng), số tiền thắng bạc nhận về là 11.704.850.000 đồng (mười một tỷ, bảy trăm linh tư nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Ngoài việc đánh bạc qua mạng, Bùi Văn T còn sử dụng tiền cá nhân để đánh bạc bằng hình thức ghi lô điểm trái pháp luật với Trịnh Đình T (sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố 6, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên). Cách thức chơi như sau: Mỗi điểm lô tương ứng với 23.000 đồng, người chơi chọn số bất kỳ từ “00” đến “99”, chọn số điểm đánh, sau đó chờ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày để đối chiếu. Nếu con số người chơi chọn trùng với hai số cuối của một trong 27 giải thì người chơi thắng và sẽ được trả 80.000 đồng/01 điểm, nếu trùng hai lần thì được trả 160.000 đồng/01 điểm, trùng 3 lần thì được trả 240.000 đồng/01 điểm. Nếu không trùng với giải thưởng nào thì người chơi thua, bị mất số tiền đã bỏ ra ghi lô. Ngày 17/01/2020, T nhắn tin cho Trịnh Đình T để đánh 500 điểm lô, tương ứng với số tiền 11.500.000 đồng nhưng không trúng thưởng, T đã trả tiền mặt cho Trịnh Đình T.

Ngày 17/01/2020, sau khi nhận số lô điểm của T, Trịnh Đình T tiếp tục đánh lô điểm và số đề với Ngô Bá T, Trịnh Đình T và Ngô Bá T thỏa thuận 01 điểm lô tương ứng với 22.000 đồng. Trịnh Đình T nhắn tin qua điện thoại các số lô của T cùng với các số lô, số đề của Trịnh Đình T cho Ngô Bá T, tổng số điểm lô Trịnh Đình T ghi với Ngô Bá T là 1.150 điểm, tương đương số tiền 25.300.000 đồng. Ngoài ra, Trịnh Đình T còn đánh đề với Ngô Bá T với tổng số tiền là 2.020.000 đồng, tỷ lệ thắng đề là 1.000 đồng được 70.000 đồng. Ngày 17/01/2020, Trịnh Đình T trúng 8.000.000 đồng tiền lô và 2.100.000 đồng tiền đề. Ngày 18/01/2020, Trịnh Đình T sử dụng 600.000 đồng và ngày 19/01/2020 Trịnh Đình T sử dụng 400.000 đồng để đánh lô đề với Ngô Bá T nhưng không trúng. Việc thanh toán tiền trúng thưởng lô, đề giữa Trịnh Đình T và Ngô Bá T được thực hiện giao tiền mặt trực tiếp. Chiếc điện thoại và sim không chính chủ dùng để liên lạc đánh bạc với Trịnh Đình T, Ngô Bá T đã vứt đi, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKS-P2 ngày 08/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Bùi Văn T để xét xử về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 353 và tội Đánh bạc theo quy định tại điểm b, c Khoản 2 điều 321 Bộ luật Hình sự. Truy tố Trịnh Đình T và Ngô Bá T để xét xử về tội Đánh bạc theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội Tham ô tài sản và tội Đánh bạc, các bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T phạm tội Đánh bạc.

- Về trách nhiệm hình sự:

1. Đối với Bùi Văn T:

+ Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 353; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T 20 năm tù về tội Tham ô tài sản.

+ Áp dụng điểm b, c Khoản 2 Điều 321; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc.

+ Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 25 năm đến 25 năm 06 tháng tù.

2. Đối với bị cáo Trịnh Đình T: Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Đình T từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội Đánh bạc.

3. Đối với bị cáo Ngô Bá T: Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Bá T từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội Đánh bạc.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả ba bị cáo.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng.
- + Tịch thu 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại SamSung Galaxy A70, 01 Ipad của bị cáo Bùi Văn T.
- + Tịch thu 01 điện thoại SamSung Galaxy J7 Pro, 01 điện thoại ITEL của Trịnh Đình T.
- + Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 thẻ ATM.
- + Sung quỹ Nhà nước số tiền 37.420.000 đồng mà các bị cáo Tiến và Tân đã nộp vào Cục Thi hành án dân sự.
- Về trách nhiệm dân sự:
 - + Ghi nhận việc gia đình bị cáo Bùi Văn T đã nộp số tiền là 531.951.962 đồng vào tài khoản của bị cáo là 42.191.038 đồng.
 - + Ghi nhận sự tự nguyện đã nộp tiền của 12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, không khiếu nại các quyết định hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, gia đình bị cáo có ông nội, ông ngoại đều có công với cách mạng, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc điều tra vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội. Do điều kiện kinh tế bị cáo gặp nhiều khó khăn nên đề nghị không áp dụng Khoản 5 Điều 353 và Khoản 4 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên trình bày: Ngày 20/01/2020, sau khi phát hiện sự việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên bị mất tiền đã kịp thời báo cáo nội dung sự việc tới Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên và Cơ quan Cảnh sát điều tra và đã trình bày toàn bộ diễn biến nội dung sự việc. Việc bị cáo Bùi Văn T tham ô tài sản đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ, bản thân những người này

không được hưởng lợi gì nhưng họ và gia đình đã tự nguyện nộp số tiền dưới đây để cùng với bị cáo Bùi Văn T nộp vào ngân sách Nhà nước:

1. Ông Hà Văn T đã nộp số tiền 2.017.238.000 đồng.
2. Bà Hoàng Thị T đã nộp số tiền 3.214.868.000 đồng.
3. Bà Phạm Thị T đã nộp số tiền 1.962.622.000 đồng.
4. Bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 1.778.338.000 đồng.
5. Bà Lưu Kim C đã nộp số tiền 1.778.394.000 đồng.
6. Bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 1.777.565.000 đồng.
7. Bà Dương Thị H đã nộp số tiền 1.227.318.000 đồng.
8. Bà Lê Thị Thùy L đã nộp số tiền 1.424.082.000 đồng.
9. Ông Nguyễn Minh H đã nộp số tiền 1.228.048.000 đồng.
10. Bà Trần Việt T đã nộp số tiền 1.423.014.000 đồng.
11. Ông Hà Anh D đã nộp số tiền 1.121.836.000 đồng.
12. Ông Nguyễn Khánh T đã nộp số tiền 872.534.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 12 (Mười hai) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên trên đã nộp tổng số tiền 19.825.857.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T (mẹ đẻ của bị cáo Bùi Văn T) đã nộp số tiền là 531.951.962 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên để hoàn trả số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí tự nguyện nộp toàn bộ số tiền trên để hoàn trả vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng có đủ căn cứ xác định:

1.1. Đối với bị cáo Bùi Văn T: Do được tuyển dụng và phân công làm nhiệm vụ tại Phòng Tiền tệ - Kho quỹ và hành chính của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Điện Biên hàng ngày trực tiếp giao dịch với khách hàng, thực hiện việc xuất, nhập tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý tại kho nghiệp vụ phát hành

và thu, chi tại quầy giao dịch; quản lý Quỹ nghiệp vụ phát hành đảm bảo an toàn tuyệt đối tài sản; trực tiếp nhập vào máy tính chứng từ phát sinh hằng ngày; quản lý, sử dụng kẹp chì theo quy định. Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao và sơ hở của các thành viên tham gia kiểm đếm, đóng bao tiền, quản lý kho quỹ trong quá trình xuất, nhập tiền, kiểm kê tài sản. Từ ngày 21/6/2019 đến ngày 16/01/2020 Bùi Văn T đã 45 lần thực hiện hành vi tráo bó tiền mệnh giá 100.000 đồng (mỗi bó trị giá 100.000.000 đồng) vào bao tiền có mệnh giá 500.000 đồng (mỗi bó trị giá 500.000.000 đồng) để chiếm đoạt số tiền chênh lệch của mỗi bó là 400.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên số tiền là 20.400.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, T đã sử dụng Đánh bạc qua mạng Internet hết số tiền 17.786.500.000 đồng (mười bảy tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng); chi tiêu cá nhân và trả nợ 2.571.400.000 đồng (hai tỷ năm trăm bảy mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng), T không nhớ đã chi tiêu cụ thể vào những việc gì, trong tài khoản hiện còn 42.191.038 đồng đang bị phong tỏa.

Về hành vi Đánh bạc: Trong thời gian từ ngày 22/6/2019 đến ngày 21/01/2020, Bùi Văn T đã sử dụng điện thoại Iphone 6 và Ipad cá nhân cài đặt 02 ứng dụng FANVIP.club và HUNOHERO, lập các tài khoản để chơi “tài – xỉu”, cách thức chơi như sau: Trò chơi có 03 viên xúc xắc, mỗi viên có 06 mặt đánh số giá trị từ 01 đến 06, sau mỗi lần quay, nếu tổng điểm của 3 viên xúc xắc ≥ 11 thì là tài, người đặt tài thắng, còn lại là xỉu, người đặt xỉu thắng. Người chơi sẽ đặt cược số tiền tối thiểu là 1.000 xu, tối đa là số xu dư tài khoản hiện có. Hết thời gian lựa chọn và đặt cược, nếu số xu hai bên chênh lệch, thì bên nhiều hơn sẽ bị hoàn trả xu, người đặt cược sớm sẽ không bị hoàn trả. Người thua sẽ bị mất số xu đặt cược, người thắng được nhận được số xu bằng số xu đã đặt nhưng bị nhà cái trừ 02%. Trong thời gian đánh bạc, Bùi Văn T liên hệ với tài khoản Zalo Quỳnh Nhi P có số điện thoại đăng ký là 0889.699.999 để mua xu, tỉ lệ chuyển đổi tiền thật – tiền ảo là mua 80 – bán 85, nghĩa là tương ứng với 850.000 đồng người chơi sẽ mua được 1.000.000 đồng tiền ảo (xu), khi có 1.000.000 đồng tiền ảo thì người chơi chỉ đổi được 800.000 đồng tiền thật. T đã mở 02 tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, trong đó có 01 tài khoản mang tên Bùi Văn T là em trai T) để sử dụng vào việc đánh bạc và giao dịch tiền tệ. Trong các dữ liệu còn lưu giữ trên điện thoại và Ipad, trong 04 ngày 27/12/2019, 28/12/2019, 08/01/2020, 09/01/2020, T đã 53 lần đánh bạc, có 20 lần thắng, số tiền sử dụng đánh bạc trái phép nhiều nhất là 268.200.000 xu (tương đương với số tiền 227.970.000 đồng), số lần đánh bạc ít nhất là 8.000.000 xu (tương đương 7.650.000 đồng). Kết quả điều tra xác định, tổng số tiền Bùi Văn T đánh bạc là 40.304.513.000 đồng (bốn mươi tỷ, ba trăm linh bốn triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng), trong đó số tiền T bỏ ra mua xu đánh bạc là 28.599.663.000 đồng (hai mươi tám tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng), số tiền thắng bạc nhận về là 11.704.850.000 đồng (mười một tỷ, bảy trăm

linh bốn nghìn, tám trăm năm mươi đồng). Ngoài ra Bùi Văn T còn đánh bạc với Trịnh Đình T với hình thức ghi lô đề số tiền là 11.500.000 đồng.

1.2. Đối với Trịnh Đình T và Ngô Bá T: Do có mối quan hệ là bạn bè giữa Bùi Văn T, Trịnh Đình T và Ngô Bá T. Mặc dù không đăng ký kinh doanh và không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động ghi lô đề nhưng Bùi Văn T, Trịnh Đình T và Ngô Bá T đã tham gia Đánh bạc cụ thể như sau:

Bùi Văn T đã sử dụng tiền cá nhân để đánh bạc bằng hình thức ghi lô điểm trái pháp luật với Trịnh Đình T. Cách thức chơi như sau: Mỗi điểm lô tương ứng với 23.000 đồng, người chơi chọn số bất kỳ từ “00” đến “99”, chọn số điểm đánh, sau đó chờ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày để đối chiếu. Nếu con số người chơi chọn trùng với hai số cuối của một trong 27 giải thì người chơi thắng và sẽ được trả 80.000 đồng/01 điểm, nếu trùng hai lần thì được trả 160.000 đồng/01 điểm, trùng 03 lần thì được trả 240.000 đồng/01 điểm. Nếu không trùng với giải thưởng nào thì người chơi thua, bị mất số tiền đã bỏ ra ghi lô. Ngày 17/01/2020, T nhắn tin cho Trịnh Đình T để đánh 500 điểm lô, tương ứng với số tiền 11.500.000 đồng nhưng không trúng thưởng, T đã trả tiền mặt cho Trịnh Đình T.

Ngày 17/01/2020, sau khi nhận số lô điểm của T, Trịnh Đình T tiếp tục đánh lô điểm và số đề với Ngô Bá T, Trịnh Đình T và Ngô Bá T thỏa thuận 01 điểm lô tương ứng với 22.000 đồng. Trịnh Đình T nhắn tin qua điện thoại các số lô của T cùng với các số lô, số đề của Trịnh Đình T cho Ngô Bá T, tổng số điểm lô Trịnh Đình T ghi với Ngô Bá T là 1.150 điểm, tương đương số tiền 25.300.000 đồng. Ngoài ra, Trịnh Đình T còn đánh đề với Ngô Bá T với tổng số tiền là 2.020.000 đồng, tỷ lệ thắng đề là 1.000 đồng được 70.000 đồng. Ngày 17/01/2020, Trịnh Đình T trúng 8.000.000 đồng tiền lô và 2.100.000 đồng tiền đề. Ngày 18/01/2020, Trịnh Đình T sử dụng 600.000 đồng và ngày 19/01/2020 Trịnh Đình T sử dụng 400.000 đồng để đánh lô đề với Ngô Bá T nhưng không trúng. Việc thanh toán tiền trúng thưởng lô, đề giữa Trịnh Đình T và Ngô Bá T được thực hiện giao tiền mặt trực tiếp.

Hành vi chiếm đoạt số tiền 20,4 tỷ đồng của bị cáo Bùi Văn T đã xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm vào sở hữu tài sản của Nhà nước, an ninh tiền tệ. Hành vi đánh bạc thông qua mạng Internet và ghi lô, đề với mục đích được thua bằng tiền của các bị cáo Bùi Văn T, hành vi đánh bạc thông qua ghi lô, đề của Trịnh Đình T và Ngô Bá T đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng và làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Bùi Văn T đã phạm vào tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T đã phạm vào tội Đánh bạc theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi Tham ô số tiền 20,4 tỷ đồng của bị cáo Bùi Văn T đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Hành vi sử dụng số tiền bị cáo dùng để đánh bạc trị giá trên 50 triệu đồng và sử dụng mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông của bị cáo Bùi Văn T đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm b, c Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi dùng số tiền 37.420.000 đồng của Trịnh Đình T và Ngô Bá T để Đánh bạc đã vi phạm vào Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Bùi Văn T: Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động để gia đình khắc phục một phần hậu quả và tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phòng chống tội phạm theo Công văn số 124/CSĐT(PC03) ngày 11/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can Bùi Văn T và bị cáo T có ông ngoại Vũ Văn H được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Nhất nên được áp dụng điểm b, s, t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội Tham ô tài sản. Đối với tội Đánh bạc được áp dụng điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trịnh Đình T có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến và bị cáo Ngô Bá T có ông nội được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Bùi Văn T đã nhiều lần tham ô tài sản và nhiều lần đánh bạc nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng (phạm tội hai lần trở lên) quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Mặc dù ngoài lần phạm tội này bị cáo Bùi Văn T chưa bị xét xử về tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính. Song bị cáo là người am hiểu pháp luật nắm vững các quy định của Ngân hàng về việc xuất nhập, tiền nhưng chỉ vì muốn có tiền để đánh bạc và chi dùng cá nhân; bị cáo đã chiếm đoạt tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên và hành vi đánh bạc của bị cáo là rất nghiêm trọng. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Bùi Văn T. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và người bào chữa cho bị cáo về mức hình phạt của tội Tham ô tài sản là có căn cứ để chấp nhận. Đối với đề nghị mức hình

phạt về tội Đánh bạc của bị cáo Bùi Văn T, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định cho phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với các bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chưa bị xét xử về tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính. Song các bị cáo đều nhận thức rất rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và biết được hành vi phạm tội Đánh bạc có thể gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội như gây mất trật tự, an toàn xã hội và làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác như cho vay lãi nặng, trộm cắp tài sản... nhưng chỉ vì muốn có nhiều tiền một cách nhanh chóng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Kiểm sát viên đề nghị hình phạt tiền đối với các bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T là có căn cứ, tuy nhiên mức hình phạt tiền cần phải xem xét quyết định phù hợp với tính chất mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, đề lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội Đánh bạc cho bị cáo Bùi Văn T là không có căn cứ để chấp nhận bởi vì mặc dù bị cáo, phạm tội lần đầu chưa bị kết án, chưa vi phạm hành chính, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Song bị cáo Bùi Văn T thực hiện hành vi phạm tội có tính chất nghiêm trọng.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự:

“5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Bùi Văn T tại phiên tòa cho thấy, trước khi phạm tội bị cáo là công chức nhưng hiện nay đã bị tạm đình chỉ công tác, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Văn T.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo Bùi Văn T, Ngô Bá T, Trịnh Đình T tại phiên tòa, điều kiện kinh tế của các bị cáo còn gặp nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 20,4 tỷ đồng bị cáo Bùi Văn T chiếm đoạt của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Điện Biên, theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự thì bị cáo Bùi Văn T phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã tác động để mẹ đẻ bị cáo là bà Vũ Thị T nộp số tiền là 531.951.962 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên để khắc phục hậu quả cho bị cáo Bùi Văn T. Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản của bị cáo Bùi Văn T, số tiền trong tài khoản của bị cáo Bùi Văn T là 42.191.038 đồng, số tiền này cần tịch thu để sung Ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên và gia đình đã tự nguyện nộp khoản tiền mà bị cáo Bùi Văn T đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả, tổng số tiền là 19.825.857.000 đồng và không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự đối với bị cáo Bùi Văn T, cụ thể như sau:

1. Ông Hà Văn T đã nộp số tiền 2.017.238.000 đồng.
2. Bà Hoàng Thị T đã nộp số tiền 3.214.868.000 đồng.
3. Bà Phạm Thị T đã nộp số tiền 1.962.622.000 đồng.
4. Bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 1.778.338.000 đồng.
5. Bà Lưu Kim C đã nộp số tiền 1.778.394.000 đồng.
6. Bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 1.777.565.000 đồng.
7. Bà Dương Thị H đã nộp số tiền 1.227.318.000 đồng.
8. Bà Lê Thị Thùy L đã nộp số tiền 1.424.082.000 đồng.
9. Ông Nguyễn Minh H đã nộp số tiền 1.228.048.000 đồng.
10. Bà Trần Việt T đã nộp số tiền 1.423.014.000 đồng.
11. Ông Hà Anh D đã nộp số tiền 1.121.836.000 đồng.
12. Ông Nguyễn Khánh T đã nộp số tiền 872.534.000 đồng.

Toàn bộ số tiền này hiện đang nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên và gia đình của những người này, căn cứ theo quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự quy định về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, việc tự nguyện nộp tiền để cùng bị cáo Bùi Văn T hoàn trả cho Nhà nước là tự nguyện nên cần chấp nhận thu số tiền 19.825.857.000 đồng (Mười chín tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu tám trăm lăm mươi bảy nghìn đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

Về việc bồi thường thiệt hại: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên không yêu cầu bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với số tiền bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T đã sử dụng vào việc đánh bạc tổng số tiền là 37.420.000 đồng, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp tại Cục Thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền đó là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước, các bị cáo Trịnh Đình T, Ngô Bá T đã tự nguyện giao nộp lại số tiền, do đó cần tịch thu để sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với điện thoại Iphone 6, máy tính bảng nhãn hiệu Ipad pro; điện thoại Samsung Galaxy A70 bị cáo Bùi Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro, điện thoại Itel bị cáo Trịnh Đình T sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 thẻ ATM của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt mang tên Bùi Văn T.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Đình T, Ngô Bá T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do gia đình bị cáo Bùi Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp và tự nguyện cùng khắc phục toàn bộ số tiền 20,4 tỷ đồng nên bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[8] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra đã xác định được một số chủ tài khoản ngân hàng nhận và chuyển tiền đánh bạc với Bùi Văn T, do vụ việc có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng trung gian, tỉnh thành trong cả nước nên cơ quan điều

tra đã tách chuyển phần tài liệu này gửi đến Cục Cảnh sát hình sự - Bộ Công an để tiếp tục đấu tranh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ghi số lô, số đề cho Trịnh Đình T, Ngô Bá T còn khai nhận đã đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi lô đề trái pháp luật với anh Đặng Văn C, tổng số tiền đánh bạc là 3.000.000 đồng, hiện anh C không có mặt tại địa bàn nên chưa có cơ sở điều tra làm rõ. Ngô Bá T còn khai có đánh lô đề trái pháp luật với anh Vũ Văn P, qua điều tra không đủ căn cứ để xử lý P. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đang công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Điện Biên có liên quan đến hành vi phạm tội Tham ô tài sản của bị cáo Bùi Văn T hiện cơ quan điều tra đã tách đề tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với Bùi Văn T là chủ số tài khoản 36010000372518, không biết việc bị cáo Bùi Văn T dùng chứng minh thư của mình để mở tài khoản dùng vào việc phạm tội, Nguyễn Thị T không biết chồng mình là Ngô Bá T phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 4 Điều 353; Khoản 1, điểm b, c Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm các tội “*Tham ô tài sản*” và tội “*Đánh bạc*”. Các bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 353; điểm b, s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 20 (Hai mươi) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng điểm b, c Khoản 2 Điều 321, điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 04 (Bốn) năm tù về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp chung cho cả hai tội buộc bị cáo Bùi Văn T phải chấp hành là 24 (Hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2020.

2.2. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Trịnh Đình T và Ngô Bá T.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T 50 (Năm mươi) triệu đồng.

- Xử phạt bị cáo Ngô Bá T 50 (Năm mươi) triệu đồng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 3, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên để sung ngân sách Nhà nước số tiền bao gồm:

1. Ông Hà Văn T đã nộp số tiền 2.017.238.000 đồng (Hai tỷ không trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02181 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

2. Bà Hoàng Thị T đã nộp số tiền 3.214.868.000 đồng (Ba tỷ hai trăm mười bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02182 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

3. Bà Phạm Thị T đã nộp số tiền 1.962.622.000 đồng (Một tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/08037 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

4. Bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 1.778.338.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02185 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

5. Bà Lưu Kim C đã nộp số tiền 1.778.394.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02184 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

6. Bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 1.777.565.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/08035 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

7. Bà Dương Thị H đã nộp số tiền 1.227.318.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm mười tám nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02196 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

8. Bà Lê Thị Thùy L đã nộp số tiền 1.424.082.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/08036 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

9. Ông Nguyễn Minh H đã nộp số tiền 1.228.048.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số AB/2010/08038 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

10. Bà Trần Việt T đã nộp số tiền 1.423.014.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02188 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

11. Ông Hà Anh D đã nộp số tiền 1.121.836.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02194 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

12. Ông Nguyễn Khánh T đã nộp số tiền 872.534.000 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai số AB/2010/02195 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Tổng số tiền ông Hà Văn T, bà Phạm Thị T, bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Kim C, bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị H, bà Lê Thị Thùy L, ông Nguyễn Minh H, bà Trần Việt T, ông Hà Anh D, ông Nguyễn Khánh T đã nộp tổng cộng là 19.825.857.000 đồng (Mười chín tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T đã nộp số tiền là 531.951.962 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu chín trăm năm mươi một nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai số AB/2010/08034 ngày 14/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên để sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu số tiền 42.191.038 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi một nghìn không trăm ba mươi tám đồng) trong tài khoản của bị cáo Bùi Văn T (số tài khoản 36010000256898 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Điện Biên) để nộp sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

**** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:***

- 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 loại cảm ứng, màu vàng, imei: 354446068055299, bên trong có lắp 01 thẻ sim VinaPhone số điện thoại: 0817954899, máy đã qua sử dụng.

- 01 (Một) máy tính bảng nhãn hiệu ipad pro loại cảm ứng, màu vàng, số seri: DMPTD044H1MD, máy đã qua sử dụng.

- 01 (Một) điện thoại Samsung Galaxy A70, loại màn hình cảm ứng, Imei khe 1: 355915103260360, bên trong lắp 01 sim Viettel số điện thoại: 0907205368, 01 sim Vinaphone số điện thoại: 0886114552, máy đã qua sử dụng.

- 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen, số Imei (khe 1): 356446085436926; số Imei (khe 2): 356447085436924; điện thoại sử dụng sim số 0983940012.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen; số Imei: 355057092569566 và 355057092569574; điện thoại sử dụng sim số 0827052794 đều đã qua sử dụng.

**** Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T:***

- 01 (Một) thẻ ATM số 9704490100000227002 của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt mang tên Bùi Văn T.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 09/02/2021).

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

- Số tiền 19.420.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) bị cáo Ngô Bá T đã nộp theo Biên lai số AB/2010/02226 ngày 01/3/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

- Số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng) bị cáo Trịnh Đình T đã nộp theo Biên lai số AB/2010/02225 ngày 01/3/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Đình T, Ngô Bá T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn

